

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn B, chức vụ - Phó Chủ tịch và ông Lê Anh P, chức vụ - Công chức Địa chính Xây dựng phường T, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân phường T: ông Nguyễn Xuân P – Luật sư, Văn phòng luật sư L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

3.2. ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị M; địa chỉ: số 45 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị V trình bày thể hiện:

Nguồn gốc đất: năm 1990 bố tôi là ông Phạm Văn Q được Ủy ban nhân dân (UBND) phường T cấp cho 01 thửa đất có diện tích khoảng 1.000m² tại số 95/9, tổ 3, khối 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, bố mẹ tôi đã dựng căn nhà tạm bằng ván, lợp giấy dầu diện tích khoảng 20m² để ở. Năm 1991 tôi lập gia đình nên bố mẹ cho vợ chồng tôi nhà và đất nêu trên, sau đó vợ chồng tôi sửa sang lại nâng cấp nhà cũ thành 2 gian, lợp ngói diện tích 31,5m². Khoảng năm 1993 - 1995 vợ chồng tôi xây thêm chuồng heo, ao cá, tường rào bao quanh đất. Năm 1995 xây thêm nhà ở diện tích 28,8m². Năm 2006 xây thêm căn nhà cấp 4 diện tích 23,4m². Toàn bộ nhà đất nêu trên gia đình tôi sử dụng để ở và chăn nuôi từ năm 1990 cho đến nay không có tranh chấp.

Do giấy cấp đất từ năm 1990 gia đình làm mất không còn lưu giữ, nên năm 2005 bố tôi có làm Đơn xin xác nhận và được ông Phùng Anh V nguyên là cán bộ địa chính, ông Nguyễn Quang H nguyên là Phó Chủ tịch UBND phường T xác nhận với nội dung: năm 1990 có cấp cho bố mẹ tôi 01 thửa đất nêu trên để làm nhà ở và làm kinh tế vườn.

Quá trình sử dụng đất gia đình tôi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế toàn bộ thửa đất cho UBND phường từ những năm 1993 đến năm 2016. Do thời gian lâu các Biên lai nộp thuế nhà đất bị mất, chỉ còn lưu giữ 08 Biên lai gốc từ năm 2016 cho đến nay. Trong hồ sơ địa chính còn lưu giữ 02 sơ đồ giải thửa diện tích 959,7m² của thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32, loại đất ở, người đứng tên sử dụng đất Phạm Thị V, nhưng UBND phường T không xác nhận hồ sơ để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho gia đình tôi.

Ngày 09/5/2022 UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai, nội dung Biên bản áp đặt việc gia đình tôi lấn chiếm đất của UBND phường T từ những năm 1990.

Ngày 24/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5363/QĐ-KPHQ về việc “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”, nội dung quyết định đã căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/01/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai... buộc khôi phục tình trạng của đất. Quyết định này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình tôi. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố B về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đại Thắng trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: diện tích 959,7m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 do bà Phạm Thị V chiếm dụng thuộc quỹ đất của UBND phường T quản lý theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 18/12/1989 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 5.200m² đất của Xí nghiệp Liên hiệp Dục (thuộc Sở Y tế) để xây dựng điểm dân cư mới.

Về quy hoạch sử dụng đất: căn cứ Quyết định số 1665b/QĐ-UBND ngày 28/06/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của thành phố đến năm 2020. Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thành phố B thì vị trí thửa đất thuộc quy hoạch đất khu vui chơi giải trí công cộng (đất công viên cây xanh).

Về diễn biến quá trình vi phạm hành chính đối với bà Phạm Thị V: ngày 20/02/2019 UBND phường T tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với bà Phạm Thị V có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp với diện tích 959,7m² theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 11/05/2022 UBND phường T có Tờ trình số 143/TTr-UBND về việc đề nghị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai. Do hết thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Vì vậy, ngày 24/05/2022 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ ngày 24/05/2022 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V, buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã chiếm.

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chủ tịch UBND thành phố B nhận thấy việc ban hành Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ ngày 24/05/2022 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

đối với bà Phạm Thị V là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà V là không có cơ sở giải quyết. Đề nghị Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định.

3. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường T là ông Lê Anh Phước trình bày:

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 18/12/1989 của UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi 5.200m² của Xí nghiệp Liên hiệp Dược (thuộc Sở Y tế Đắk Lắk) giao cho UBND phường T xây dựng điểm dân cư mới theo thủ tục quy định hiện hành. Ngày 20/4/1990 UBND phường T có Biên bản tạm giao khu đất này cho đường phố 5 (nay là TDP 5) quản lý và canh tác.

Căn cứ trích lục bản đồ địa chính số 13015/TL-VPĐKĐĐ-ĐDV ngày 19/11/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk thuộc thửa số 345, tờ bản đồ 32, diện tích 2161,3m² và trích lục bản đồ địa chính số 13014/TL-VPĐKĐĐ-ĐDV ngày 19/11/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk thuộc thửa số 344, tờ bản đồ 32, diện tích 3164,7m² về việc đo đạc lại diện tích đối với khu đất Dược tại TDP 5, phường T.

Tuy nhiên, trong diện tích 5.200m² đất Dược tại tổ dân phố 5 do UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho UBND phường quản lý, có một phần diện tích đất bị bà Phạm Thị V chiếm để làm nhà ở và xây dựng một số công trình phụ như bể nuôi cá, tường rào, công trình phụ khác, diện tích đất bị chiếm 959,7m².

Căn cứ theo nguồn gốc sử dụng đất, hồ sơ giấy tờ kèm theo Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của hộ bà Phạm Thị V đã nộp và Biên bản lấy ý kiến khu dân cư tổ dân phố 5 vào ngày 08/6/2010 thì nguồn gốc đất do ông Phạm Văn Q cho con gái là Phạm Thị V và con rể là Nguyễn Huy D theo Giấy cho đất viết tay đề ngày 10/02/1991 với diện tích 400m², ông Q làm nhà ván tạm một gian, mái lợp ngói năm 1995 (sau thời điểm 15/10/1993) và bà Phạm Thị V xây nhà trái phép năm 2006.

Theo hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà Phạm Thị V đã nộp (bao gồm hồ sơ đã nộp đăng ký tập trung và bổ sung) thì không có giấy tờ chứng minh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chia cấp phần đất trên cho ông Phạm Văn Q (bố đẻ bà Phạm Thị V). Các giấy tờ đã nộp như: Đơn xin trình bày ghi ngày 31/01/2005, Giấy cho đất ở ghi ngày 10/02/1991, các Biên lai nộp thuế nhà đất năm 1995, 2004, 2005, sổ hộ khẩu cấp năm 2001, Giấy khai sinh của con đẻ Nguyễn Thị Thanh T đăng ký năm 1996 là những giấy tờ không chứng minh được diện tích đất đề nghị cấp GCNQSDĐ là được chia cấp năm 1990 như đơn trình bày ngày 31/01/2005.

Theo Giấy cho đất ở viết tay của ông Phạm Văn Q cho con gái là bà Phạm Thị V ghi ngày 10/02/1991 có ghi địa chỉ là số nhà 45 đường G vào thời điểm năm 1991 là không đúng thực tế (giấy tờ tạo lập sau thời điểm năm 1998). Vì năm 1998 đường G (trước đây gọi là đường Vành đai) mới được đặt tên theo Quyết định số 773/QĐ-UB ngày 11/5/1998 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Theo đơn trình bày của ông Phạm Văn Q, trú tại tổ dân phố 4, phường T (Đơn đề ngày 31/01/2005) thì diện tích được cấp là 400m², nhưng diện tích hộ bà Phạm Thị V đề nghị cấp GCNQSDĐ là 959,7m² (chênh lệch tăng 559,7m²).

Biên bản xác định ranh giới sử dụng đất bà Phạm Thị V đã nộp chưa ký đầy đủ các hộ giáp ranh liền kề, chữ ký của chủ sử dụng đất liền kề với thửa 53, 69 của hộ ông Phạm Minh K là giả mạo (ngày 08/6/2010 ông Phạm Minh K không thừa nhận chữ ký trong Biên bản ranh giới sử dụng đất của hộ bà Phạm Thị V là của ông). Do đó, phạm vi ranh giới sử dụng đất không rõ ràng, chưa đúng quy định trong kê khai lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ.

Hiện nay, hộ bà Phạm Thị V đang sử dụng đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32, diện tích 959,7m² thuộc phạm vi đất do UBND tỉnh thu hồi giao cho UBND phường T quản lý theo Quyết định số 1008/QĐ-UB nêu trên. Hộ bà Phạm Thị V không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chia cấp theo quy định, sử dụng phần diện tích thuộc quyền quản lý của Nhà nước chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

Năm 2006 hộ bà Phạm Thị V xây dựng nhà ở trái phép với diện tích 23,4m² nằm trong phần diện tích 5.200m² đất do UBND phường quản lý, nên ngày 04/4/2006 UBND phường đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu bà Phạm Thị V buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu do hành vi vi phạm hành chính của bà V gây ra, nhưng bà V không chấp hành.

Ngày 09/5/2022 UBND phường T mời bà Phạm Thị V để làm việc theo Biên bản làm việc số 01/BB-LV và ban hành Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 01/BB-VPHC.

Đến ngày 11/5/2022 UBND phường có tờ trình số 143/Ttr-UBND về việc đề nghị UBND thành phố B ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V. Ngày 24/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V. Ngày 26/5/2022 UBND phường T đã tổng đạt Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ của UBND thành phố B cho bà Phạm Thị V.

Việc UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC ngày 09/5/2022 và tờ trình số 143/Ttr-UBND ngày 11/5/2022 về việc đề nghị UBND thành phố B ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V là thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu chứng của các bên liên quan và kết quả xác minh thực tế để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị M trình bày:

Đồng ý với ý kiến của bà Phạm Thị V, không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 65; Điều 66 Luật xử phạt vi phạm hành chính. Khoản 4 Điều 14; điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc huỷ Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 03/10/2022 Chủ tịch thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Xuân P trình bày: Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử không đúng với quy định của pháp luật. Bởi lẽ: bà Phạm Thị V không cung cấp được các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Căn cứ Bản đồ kèm theo Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 18/12/1989, Biên bản giao đất ngày 20/04/1990, Thông báo số 13/TBUB ngày 09/08/1997, trích đo địa chính số 1-2021, trích lục bản đồ địa chính số 13015/TL-VPĐKĐĐ-ĐDV ngày 19/11/2021, Quyết định số 16656/QĐ-UBND ngày 28/09/2019 thì vị trí đất được quy hoạch khu vui chơi giải trí công cộng (đất công viên cây xanh) do UBND phường T quản lý. Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 18/12/1989 của UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi 5.200 m² của Xí nghiệp Liên hiệp Dược (thuộc sở Y tế Đắk Lắk) và giao đất cho UBND phường T quản lý. Khi kiểm tra hiện trạng sử

dụng đất, bà Phạm Thị V không cung cấp được hồ sơ sử dụng đất. UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu thì bà V không thực hiện. Do đó, Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai mà UBND phường T lập là đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ ngày 24/05/2022 của Chủ tịch UBND Thành phố B là đúng thẩm quyền. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện.

ông Lê Đại Thắng trình bày: bản án sơ thẩm xét xử không đúng với quy định của pháp luật. Việc xác nhận của 02 cán bộ về hưu là ý kiến cá nhân chứ chính quyền không xác nhận. Năm 1990 không có chủ trương cấp đất, việc bà V nộp thuế là nộp đối với thửa đất khác, không phải thửa đất đang có khiếu kiện. Diện tích đất được giao cho UBND phường quản lý đã thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của Chủ tịch thành phố B và của Ủy ban nhân dân phường T là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ quy định của pháp luật và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố B và của Ủy ban nhân dân phường T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 03/10/2022 Chủ tịch UBND thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của Chủ tịch thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 09/5/2022 UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 02/BB-VPHC đối với bà Phạm Thị V do có hành vi lấn chiếm 959,7m² đất phi nông nghiệp. Ngày 24/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V, buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; buộc trả lại đất đã chiếm. Ngày 14/6/2022 bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết huỷ Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ ngày

24/5/2022 của Chủ tịch UBND thành phố B. Như vậy quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, là đối tượng khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T:

[3.1] Ngày 04/4/2006 UBND phường T lập Biên bản về vi phạm về lĩnh vực đất đai số 000015 đối với bà Phạm Thị V về việc bà V đã xây dựng nhà ở, bể nuôi cá, chuồng heo trên diện tích đất 5.200m² do UBND tỉnh giao cho UBND phường T quản lý xây dựng điểm dân cư mới. Buộc khôi phục tình trạng ban đầu. Ngày 09/5/2022 UBND phường T tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 02/BB-VPHC đối với bà Phạm Thị V về việc chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích 959,7m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 tại tổ dân phố 5, phường T, thành phố B.

[3.2] Xem xét đối với diện tích 959,7m² thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 tại tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, thấy rằng:

Ngày 31/01/2005 ông Phạm Văn Q (bố bà V) có Đơn trình bày, thể hiện: “... Năm 1990 gia đình ông được UBND phường T đồng ý cấp cho 400m² đất ở và canh tác hoa màu...”. Mặc dù hiện nay Đơn này bị thất lạc. Tuy nhiên, việc gia đình ông Q được cấp đất năm 1990 được các ông Phùng Anh V (cán bộ địa chính) và ông Nguyễn Quang H (Phó Chủ tịch UBND phường T thời điểm năm 1990) xác nhận lại với nội dung: “... Căn cứ vào xác nhận của khối và đề xuất của phường. Xét đơn của gia đình ông Q hoàn cảnh thực sự khó khăn, đơn ông trình bày được thường trực UBND phường khoá 7 tháng 5/1990 đã xác nhận vào đơn và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết cấp cho gia đình ông Q 400m² đất ở và sản xuất tại khu đất Được dưới bờ mương. Đến nay giấy bị thất lạc. Vậy ông Q làm đơn trình bày là đúng, cá nhân tôi xác nhận và đề nghị UBND các cấp tạo điều kiện giúp đơn ông Q...”. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án UBND phường T cho rằng diện tích 400m² đất cấp cho ông Phạm Văn Q vào năm 1990 là thửa đất khác, không phải là thửa đất nằm trong diện tích 5.200m² đã thu hồi của Xí nghiệp Liên hiệp Được. Tuy nhiên, UBND phường T không chứng minh được vấn đề này.

[3.3] Sau khi được cấp đất năm 1990, ông Q và sau này là bà V đã cùng gia đình xây dựng nhà ở, các công trình khác và sinh sống ổn định lâu dài, không tranh chấp. Mặc dù Nhà nước có quy hoạch đối với diện tích 5.200m² thu hồi của Xí nghiệp Liên hiệp Được làm khu dân cư, trong đó có diện tích đất gia đình bà V đang sử dụng. Tuy nhiên, đến nay gần 30 năm qua Nhà nước vẫn chưa quản lý sử dụng vào mục đích quy hoạch. Năm 2016 Nhà nước quy hoạch lại làm khu vui chơi giải trí công cộng, nhưng đến nay Nhà nước vẫn chưa thực hiện việc quy

hoạch lại này và gia đình bà V vẫn đang quản lý, sử dụng.

[3.4] Khoản 3 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý thì hộ gia đình, cá nhân đó được tiếp tục sử dụng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

[4] Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và với những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 104/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố B và của Ủy ban nhân dân phường T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và của Ủy ban nhân dân phường T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 65; Điều 66 Luật xử phạt vi phạm hành chính. Khoản 4 Điều 14; điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Khoản 3 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc huỷ Quyết định số 5363/QĐ-KPHQ ngày 24/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Phạm Thị V.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ và Ủy ban nhân dân phường T phải chịu 300.000đ theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021945 ngày 10/10/2022 và số 0022471 ngày 17/10/2022 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Tự

Đặng Kim Nhân

Trần Quốc Cường